TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30/5/2023 *"V/v Xin ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Sơn

2. Ông Phù Thọ Bổn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Xuân Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Kiên Lương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương *không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Phương T – sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 8, khu phố H, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 8, khu phố H, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Phương T trình bày: Vào năm 1994 ông T và bà P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần ông T đứng ra hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng

không được cải thiện, tiếp tục chung sống chỉ làm khổ thêm. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị P;

- Về con chung: Quá trình chung sống có 2 con chung tên Trương Văn Đ, sinh năm 1994 và Trương Thị Thùy L, sinh năm: 2000. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị P trình bày: Bà P chung sống như vợ chồng với ông T từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay về kiếm chuyện, hai người mâu thuẫn thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà P cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 2 con chung tên Trương Văn Đ, sinh năm 1994 và Trương Thị Thùy L, sinh năm: 2000. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Bà P xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Phương T và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa ông T, bà P đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý….".*

Vì vậy, giữa ông T và bà P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà P cũng đồng ý, nên HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Phương T và bà Nguyễn Thị P.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trương Văn Đ, sinh năm 1994 và Trương Thị Thùy L, sinh năm: 2000. Do các con chung đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, do ông Trương Phương T yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Phương T và bà Nguyễn Thị P.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trương Phương T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006922 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Ông T, bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h. Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh